TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày 30 - 8 - 2023
"Về việc Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gẫm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim; Ông Cao Minh Sơn

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 294/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2023/DS-ST ngày 22/8/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố TV, tỉnh TV. Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Trầm Phú L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp CC, xã PH, huyện TC, tỉnh TV. (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2022 – có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường A**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

- Ông **Mai Văn T1**, sinh năm 1948 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp LĐ, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp LĐ, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trầm Phú L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 23/12/2020 DL bà Mai Thị Th có vay tiền của ông Trần Văn T số tiền 70.000.000đ có làm biên nhận. Trong quá trình vay, bà Th đã trả cho ông T đến ngày 15/12/2020 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2021 dương lịch) được 34.000.000đ và trả lãi hơn 2.000.000đ thì bà Th ngưng không trả nữa, đến ngày 12/02/2021 bà Th chết. Sau khi bà Th chết, gia đình ông T trả cho ông được 5.000.000đ. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th gồm anh Nguyễn Trường A (con

ruột bà Th), ông Mai Văn T (cha ruột bà Th) phải trả cho ông T số tiền 31.000.000đ, ông T không yêu cầu tính lãi.

Ông Trần Văn T thống nhất phần trình bày của ông Trầm Phú L, ông T không trình bày bổ sung.

Anh Nguyễn Trường A là bị đơn trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 27/7/2023: Anh A không đồng ý trả tiền cho ông Trần Văn T 31.000.000đ với những lý do sau: Về chứng cứ không đủ pháp lý và không có tính ràng buộc, việc vay tiền giữa ông T và bà Th là sự thỏa thuận riêng không có người làm chứng, anh A là con bà Th cũng không biết việc vay tiền này của mẹ anh. Nay bà Mai Thị Th là người vay tiền đã chết nên anh A không đồng ý trả nợ. Anh A cũng xác định đã được tiếp cận công khai chứng cứ và xem qua kết quả giám định, anh A cũng không yêu cầu giám định lại.

Ông Mai Văn T1 (cha bà Mai Thị Th) cũng có lời trình bày giống như anh Nguyễn Trường A.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:*

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp đề nghị xác định lại là "*Thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại về hợp đồng vay*". Về thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Ông Mai Văn Tự, bà Trần Thị Đầm có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Trường An đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Về nội dung:* Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, buộc ông Mai Văn T1, anh Nguyễn Trường A, bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền 31.000.000đ trong phạm vi di sản của bà Mai Thị Th để lại.Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định ông Mai Văn T1 và bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A phải có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Theo đơn khởi kiện ông Trần Văn T yêu cầu ông Mai Văn Văn T1, ông Nguyễn Trường A phải trả cho ông T số tiền 70.000.000. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 294/2022//TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp "*Tranh chấp hợp*

đồng vay" là chưa chính xác. Qua xác minh thu thập chứng cứ thấy rằng, ông Mai Văn T1, anh Nguyễn Trường A là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của của bà Mai Thị Th (chết ngày 12/02/2021) nên quan hệ pháp luật có tranh chấp của vụ án này được xác định lại là "*Thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại về hợp đồng vay*" theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 615 Bộ Luật dân sự năm 2015. Bị đơn ông Mai Văn T1, anh Nguyễn Trường A1 có nơi cư trú ấp Long Đại, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Bà Mai Thị Th chết ngày 12/02/2021; ngày 06/4/2022 ông T khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 *thời hiệu khởi kiện yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm kể từ thời điểm mở thừa kế*. Như vậy, tính từ ngày bà Th chết đến ngày ông T khởi kiện là 01 năm 01 tháng 23 ngày, xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án là còn.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn ủy quyền cho ông Trầm Phú L đại diện tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2022. Xét, việc ủy quyền của nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Trường A được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét theo quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Quan hệ vay tiền giữa bà Mai Thị Th với ông Trần Văn T là quan hệ vay tiền có lập thành văn bản là "*Biên nhận vay tiền*" ngày 23/12/2020 phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015, theo biên nhận thì bà Th có vay của ông T số tiền 70.000.000đ. Xét thấy, tại thời điểm giao dịch vay tiền cả ông T, bà Th đều là những chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập là hợp đồng vay (biên nhận), hai bên đều tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, giao dịch vay tiền giữa bà Mai Thị Th với ông Trần Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, ông Tiến xác nhận khi còn sống bà Th đã trả cho ông T số tiền 34.000.000đ và khoản 2.000.000đ tiền lãi. Sau khi bà Th chết, gia đình ông T1 trả cho ông T 5.000.000đ, hiện tại bà Th còn thiếu ông T 31.000.000đ.

Nay, ông T yêu cầu ông T1, anh A, bà Đ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Th phải trả cho ông T số tiền 31.000.000đ (70.000.000đ – 39.000.000đ). Ông T cung cấp cho Tòa án biên nhận vay tiền ngày 23/12/2020 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Th chết nên ông Tiến có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà Mai Thị Th. Tại kết quả giảm định số 373/KL-KTHS ngày 05/6/2023 của phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh xác định chữ ký của bà Mai Thị Th trong Biên nhận ngày 23/12/2020 so sánh với tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra (Tài liệu mẫu so sánh là các tài liệu liên quan đến xe tải biển kiểm soát 84C: 077.83 được lưu trữ tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh). Kết luận số 373/KL-KTHS nêu trên được xem là nguồn chứng cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Xét ý kiến bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Văn T1, anh Nguyễn Trường A1 không đồng ý trả nợ cho ông T. Ông T1, anh A cho rằng không có quản lý di sản của bà Th và không biết việc vay tiền nêu trên nên không đồng ý trả nợ. Xét thấy, ý kiến của ông T1 và anh A là không thể chấp nhận được. Bởi, Theo Kết quả giám định đã xác định được bà Mai Thị Th có ký trong biên nhận vay tiền ngày 23/12/2020. Còn về thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hàng thừa kế thứ nhất của người chết phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 615 quy định "*1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại...".* Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 gồm: *Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*. Như vậy, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Mai Thị Th trong vụ án này gồm: Ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A là cha, mẹ và con của bà Mai Thị Th là những người phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông T1, anh A phải trả cho ông 70.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T xác nhận khi còn sống bà Th đã trả cho ông T đến ngày 15/12/2020 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2021) là 34.000.000đ và khoản 2.000.000đ tiền lãi, sau khi bà Th chết gia đình ông T1 đã trả cho ông 5.000.000đ nên ông T rút một phần yêu cầu đối với số tiền đã trả là 39.000.000đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà ông T đã rút. Ông T chỉ yêu cầu ông T1, anh A, bà Đ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Th phải trả cho ông số tiền 31.000.000đ. Ông T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A là những người thực hiện nghĩa vụ tài sản của bà Mai Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền 31.000.000đ trong phạm vi di sản do bà Mai Thị Th để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Lẽ ra, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ do ông T1 và bà Đ là người trên 60 tuổi theo quy định điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng do ông T1 và bà Đ không có đơn xin miễn án phí nên không được Hội đồng xét xử miễn án phí. Do đó, ông T1, bà Đ, anh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Chi phí giám định*: Ông Trần Văn T đã nộp 5.000.000đ, đã chi cho việc giám định là 4.432.000đ. Ông T đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ nên ông T không phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A phải có nghĩa chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5; khoản 1 Điều 6; Điều 93; khoản 5 Điều 94; các khoản 1, 2 Điều 102; Điều 146; Điều 147; Điều 159; khoản 1 Điều 160; Điều 161; Điều 162; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117; Điều 119; khoản 3 Điều 150; khoản 1 Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 469; khoản 1 Điều 615; khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A là những người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản của bà Mai Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền 31.000.000đ (*Ba mươi mốt triệu đồng*) trong phạm vi di sản do bà Mai Thị Th để lại. Ông Tiến không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 39.000.000đ mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự: Ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A phải có nghĩa vụ chịu 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T không phải chịu án dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000đ theo Biên lai thu tiền số 0011914 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Về chi phí giám định: Buộc ông Mai Văn T1, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Trường A phải có nghĩa vụ nộp hoàn trả lại cho ông Trần Văn T 4.432.000đ (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng*). Số tiền còn lại 568.000đ ông Tiến được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại.

Tất cả các khoản tiền án phí, chi phí giám định, tiền lãi phải thi hành theo khoản 2 Điều 468 nêu trên ông Tự, bà Đầm, anh An có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Mai Thị Th để lại.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Gẫm

* *Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.